Bản tin

DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Qúy I/2022, Tháng 01-3/2022

VCCI
PHÒNG THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BAN PHÁP CHẾ, VCCI
Số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 024.3577.0632 / 024.3574.2022 (máy lẻ 355)
Fax: 024.3577.1459
Email: xdphapluat@vcci.com.vn / xdphapluat.vcci@gmail.com
Website: http://www.vibonline.com.vn/

BẢN TIN PHÁP LUẬT
QUÝ I/2022

HƯỚNG TỚI
MỘT MÔI TRƯỜNG KINH DOANH MINH BẠCH VÀ THUẬN LỢI

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam trên mạng www.vibonline.com.vn được phát triển và quản lý bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhằm góp phần hình thành một môi trường pháp lý kinh doanh thuận lợi và minh bạch cho doanh nghiệp

MỤC LỤC BẢN TIN

BẢN TIN
DOANH NGHIỆP
XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

(Tháng 1-3,2022)

01 **ĐIỂM TIN**

17 Dự thảo VBQPPL mà VCCI đã có ý kiến chính thức bằng công văn và những ý kiến góp ý chính

21 **ĐÁNH GIÁ PHẢN HỒI**

Đánh giá 10 văn bản được ban hành trong quý I năm 2022 với bản tổng hợp ý kiến VCCI đã gửi tới cơ quan soạn thảo

1/ ĐIỂM TIN

Trong quý I năm 2022, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã có ý kiến góp ý với **17 Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật** [1]trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: **thuế**, **tài chính**, **tư pháp**, **nông nghiệp**, **kinh doanh**, **công nghệ thông tin** … do 8 Bộ chủ trì soạn thảo.

Trong 17 văn bản góp ý , VCCI có **84 đề xuất** [2], trong đó tập trung vào các góp ý về tính minh bạch (quy định rõ về: các quyền, nghĩa vụ của các đối tượng chịu tác động; trình tự thủ tục hành chính; …), tính thống nhất (giữa các quy định tại văn bản với các văn bản cùng giá trị pháp lý hoặc văn bản có giá trị pháp lý cao hơn), tính hợp lý và khả thi (yêu cầu bỏ hoặc điều chỉnh các quy định gây khó khăn bất hợp lý cho doanh nghiệp).

[1] Toàn văn các ý kiến này được đăng tải trên website của VCCI tại địa chỉ www.vibonline.com.vn

[2] Các lập luận chi tiết để đưa ra kiến nghị được thể hiện đầy đủ trong các Công văn góp ý của VCCI đã được đăng tải tại địa chỉ www.vibonline.com.vn. Trong Bản tin này chỉ tóm tắt các kiến nghị chính trong mỗi văn bản góp ý

BỘ CÔNG AN

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Công an chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng

- Rà soát lại sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng quy định tại Điều 2, 3 Dự thảo với sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin quy định tại Điều 3 Nghị định 108/2016/NĐ-CP để tránh trùng lặp, khó phân biệt giữa hai loại sản phẩm, dịch vụ này, từ đó hạn chế những rủi ro cho doanh nghiệp;

Phân biệt rõ ràng giữa "*sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng*" và "*sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin*" sẽ tránh trường hợp doanh nghiệp không xác định được cơ quan quản lý, không biết phải xin giấy phép ở cơ quan nào hoặc phải cùng lúc xin giấy phép ở hai cơ quan cấp phép khác nhau và chịu sự kiểm tra, giám sát của cả hai cơ quan quản lý, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh.

- Bỏ quy định tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo yêu cầu doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện tại Điều 7 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP về điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Rà soát điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng với điều kiện kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động quy định tại Nghị định 96/2016/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất trong quy định;

- Bỏ điều kiện "*có phương án kinh doanh*" quy định tại khoản 3 Điều 4 Dự thảo vì các nội dung quan trọng của phương án kinh doanh đã thể hiện trong các điều kiện về phương án kỹ thuật quy định tại khoản 6 Điều 4 Dự thảo;

Trong trường hợp vẫn giữ điều kiện phải có "*phương án kinh doanh*" đề nghị loại bỏ các nội dung trùng lặp với khoản 6 Điều 4 Dự thảo (đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các tính năng kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, dịch vụ);

- Bỏ khái niệm "*hiểu biết chuyên sâu về đảm bảo an ninh mạng hệ thống*" (Khoản 5 Điều 4 Dự thảo) để tránh nhiều cách diễn giải khác nhau và gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục;

- Kéo dài thời hạn của giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng ít nhất bằng thời hạn của giấy phép kinh doanh sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng, 10 năm;

"Thời hạn giấy phép dài sẽ góp phần giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, trong khi đó cơ quan nhà nước có thể kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp thông qua cơ chế kiểm tra, thanh tra. Nếu doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện kinh doanh cơ quan quản lý có thể thu hồi giấy phép."

- Bỏ một số tài liệu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (Điều 6 Dự thảo) gồm: Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật (vì điều kiện tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo là chưa phù hợp như phân tích ở trên); Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (vì các thông tin về đăng ký doanh nghiệp có thể tra cứu trên Cổng thông tin đăng ký quốc gia về doanh nghiệp);

- Quy định rõ về Tài liệu chứng minh phương án bảo mật thông tin để đảm bảo thống nhất trong cách hiểu khi áp dụng;

- Bổ sung quy định về cách thức để được lùi thời hạn nộp hồ sơ bổ sung (gửi tài liệu nào, cơ quan cấp phép sẽ xem xét như thế nào); thời hạn được lùi là bao nhiêu ngày?

- Bỏ quy định phải có "*Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất*" trong hồ sơ xin gia hạn giấy phép bởi điều kiện để được gia hạn Giấy phép là "*cơ sở kinh doanh không vi phạm quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng*", báo cáo hoạt động của doanh nghiệp không thể hiện điều kiện của gia hạn trên;

- Bỏ quy định "*các trường hợp khác theo quy định của pháp luật*" về đình chỉ hoạt động kinh doanh (điểm c khoản 4) vì chưa rõ ràng. Doanh nghiệp sẽ rất khó nhận biết các trường hợp giấy phép bị thu hồi, trong khi đây lại là quy định tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Xem xét lại tính thống nhất trong quy định về thời hạn thẩm định hồ sơ ban đầu:

"Theo điểm a khoản 4 Điều 9 Dự thảo quy định thời hạn thẩm định "không vượt quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép". Quy định này là chưa thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 8 Dự thảo về thời hạn thẩm định và cấp giấy phép: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Dự thảo thì thời hạn xem xét tính hợp lệ của hồ sơ là "03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ". Như vậy, thời hạn thẩm định và cấp phép theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Dự thảo là 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Giảm số lượng hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng xuống (cấp mới: số lượng hồ sơ là 02 bộ; sửa đổi, gia hạn: số lượng hồ sơ là 01 bộ) do số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Dự thảo là khá nhiều, tạo gánh nặng về chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp;

"Theo khoản 1 Điều 11 Dự thảo quy định số lượng hồ sơ doanh nghiệp phải nộp là 01 bộ hồ sơ gốc, 04 bộ bản sao hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp mới; 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bộ bản sao hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung và gia hạn giấy phép."

- Quy định rõ về thời hạn nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng bổ sung hoặc gửi văn bản giải trình và bổ sung quy định cơ quan cấp phép chỉ yêu cầu 01 lần. Việc Dự thảo không quy định thời hạn nộp hồ sơ bổ sung hoặc gửi văn bản giải trình. Điều này có thể khiến cho quy trình thủ tục hành chính bị kéo dài và khó khăn trong thực tế thực hiện.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định về phát triển và quản lý chợ

- Bổ sung quy định giải thích khái niệm "*chợ mang tính truyền thống*" để làm rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định do Dự thảo quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị định là "*chợ mang tính truyền thống*" nhưng lại không giải thích cho khái niệm này;

- Rà soát và điều chỉnh lại các quy định về giải thích từ ngữ để có thể xác định chính xác các loại chợ và chính sách tương ứng với mỗi loại chợ này do các tiêu chí để xác định các loại chợ trong Dự thảo hiện không thống nhất;

- "*Không có cư dân sinh sống*" là đặc điểm để xác định "*chợ dân sinh*", "*chợ đầu mối*" nhưng trong các khái niệm về *"chợ tạm", "chợ tự phát", "chợ nông thôn", "chợ đêm", "chợ di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan kiến trúc"* lại không có đặc điểm này
- Yếu tố *"quy hoạch"* được xác định để phân biệt *"chợ tạm", "chợ tự phát", "chợ đêm"* nhưng lại không có trong các chợ còn lại
- Đặc điểm *"xây dựng kiên cố/bán kiên cố"* được xác định đối với "*chợ tạm"* nhưng các chợ còn lại không thấy đề cập đến yếu tố xây dựng

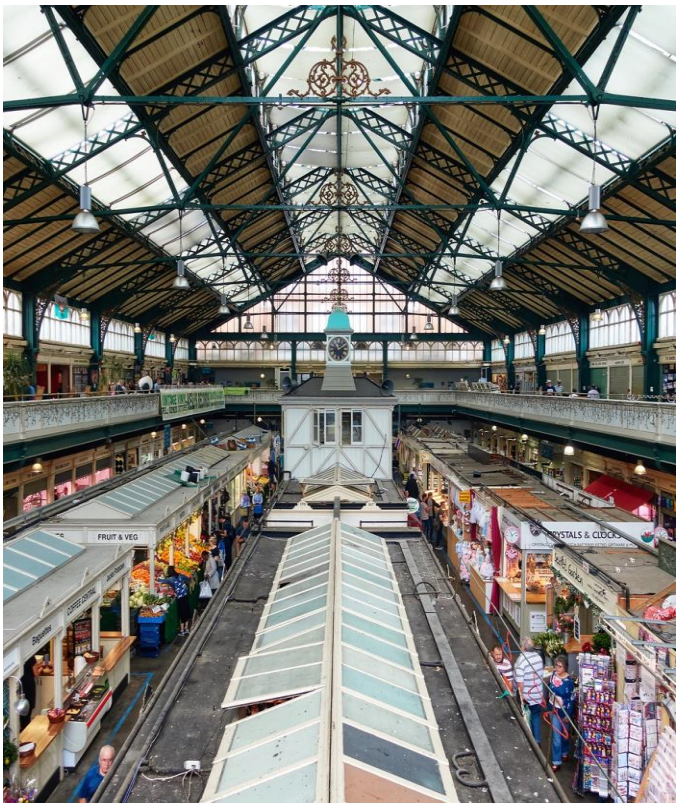

- Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục để có được sự cho phép của chính quyền địa phương trong trường hợp xác định chợ tạm;

- Bổ sung tiêu chí phân định rõ giữa "*chợ dân sinh*" và "*chợ đầu mối*" để đảm bảo tính chính xác, cụ thể.

- Làm rõ các tiêu chí xác định "*chợ đầu mối*" theo hướng định lượng hoặc bỏ các khái niệm thế nào được cho "*quy mô lớn*", "*tác động xấu tới môi trường*"

- Bỏ một số quy định có tính chất tạo gánh nặng chi phí tuân thủ cho đối tượng áp dụng gồm: quy định doanh nghiệp phải xin phê duyệt Nội quy chợ (khoản 3 Điều 9); quy định về lập phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bỏ quy định về "*Thời hạn sử dụng hoặc thuê điểm kinh doanh tại chợ của thương nhân không vượt quá thời hạn do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định*" do việc can thiệp vào những giao dịch của chủ thể quản lý với các thương nhân kinh doanh trong chợ là không cần thiết;

- Bỏ quy định yêu cầu thương nhân kinh doanh tại chợ sang nhượng điểm kinh doanh hoặc cho thương nhân khác thuê lại điểm kinh doanh còn trong thời hạn hợp đồng *„phải có sự chấp thuận của đơn vị quản lý, kinh doanh chợ*" do quy định này sẽ khiến cho giao dịch gặp khó khăn, phức tạp hơn, ngoài ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của thương nhân kinh doanh tại chợ, khi lợi ích của mình lại phụ thuộc vào chủ thể khác;

- Bỏ quy định về chuyển nhượng tài sản kết cấu hạ tầng có thời hạn và điều chỉnh theo hướng trong trường hợp chuyển nhượng lại tài sản kết cấu hạ tầng, bên nhận chuyển nhượng lại phải tuân thủ các điều kiện mà bên chuyển nhượng trước đó đã cam kết với bên chuyển nhượng ban đầu;

- Bỏ quy định "*các trường hợp khác theo quy định của pháp luật*" tại Điều 29 về thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ vì không rõ ràng, có thể tạo ra rủi ro nhà đầu tư chợ;

- Bổ sung trường hợp Nhà nước bán tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 và những năm tiếp theo.

- Điều chỉnh nhiệm vụ của các Bộ được phân công làm đầu mối theo dõi việc cải thiện các bộ chỉ số và các Bộ được phân công chủ trì, chịu trách nhiệm đối với các chỉ số, chỉ số thành phần theo hướng "*Kịp thời cập nhật, hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan…*";
- Đưa ra mốc thời gian thực hiện nhiệm vụ rà soát danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và yêu cầu kết quả cụ thể cho các Bộ, ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này;
- Bổ sung một số nội dung về mục tiêu của rà soát danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện gồm: Sửa đổi để thu hẹp phạm vi của một số ngành nghề; Đưa ngành nghề ra khỏi danh mục nếu có biện pháp quản lý khác quản lý hiệu quả hơn;
- Bổ sung nội dung về nhiệm vụ kiểm soát việc bổ sung ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện kinh doanh mới trong dự thảo (tại điểm 3 Mục III);
- Điều chỉnh nội dung về "*Tập trung dỡ bỏ rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác biệt của các quy định pháp luật (điểm 4 Mục III*)" theo hướng yêu cầu các Bộ, ngành theo dõi, đánh giá và nắm bắt kịp thời các bất cập trong thực hiện các văn bản pháp luật mới ban hành như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng để kịp thời điều chỉnh hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh;

- Bổ sung cụ thể các Bộ, ngành phải thực hiện nhiệm vụ về thúc đẩy cải cách quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Bổ sung nội dung đề nghị các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-TTg về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và Chỉ thị số 20/CT-TTg về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp nhằm giảm thiểu tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Bổ sung quy định về công khai các kết quả kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình, Kế hoạch thực hiện các Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;
- Bổ sung yêu cầu đối với các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong đoạn cuối mục IV.1a): "…*Chủ động và thường xuyên tham vấn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng trong quá trình xây dựng, thực hiện các Chương trình, kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*".

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 02 Dự thảo do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

- Cân nhắc quy định về cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (Điều 32a Dự thảo) theo hướng đơn giản hơn khi cho phép doanh nghiệp thực hiện thủ tục theo hình thức "*Văn bản xác nhận, chấp thuận*" hoặc theo hình thức khác mà "*không cần phải có xác nhận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền*" (khoản 6 Điều 7 Luật Đầu tư 2020).
- Rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục trong trường hợp vẫn giữ lại quy định về Cấp giấy chứng nhận, ví dụ:
    - Thời gian thẩm định hồ sơ: rút ngắn còn 02 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ
    - Thời gian đánh giá thực tế: rút ngắn còn 05 ngày, kể từ ngày kết thúc thẩm định hồ sơ
    - Thời gian cấp giấy chứng nhận: rút ngắn còn 02 ngày, kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế

"Việc quy định tổng thời gian 35 ngày từ khi doanh nghiệp nộp hồ sơ cho đến khi cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện như Dự thảo hiện tại là quá dài và hoàn toàn có thể rút ngắn hơn nữa bằng việc cơ quan quản lý áp dụng công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện thủ tục".

- Sửa đổi quy định về Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo hướng giao toàn bộ thẩm quyền cấp phép cho các Sở NNPTNT, trừ trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu, bên nhập khẩu nhằm mục đích đơn giản hoá thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp;
- Nghiên cứu hướng giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi dựa vào rủi ro: doanh nghiệp nào có kết quả kiểm tra trước đó tốt thì tần suất kiểm tra sau đó ít hơn và ngược lại giúp tạo điều kiện thuận lợi doanh nghiệp, tránh tình trạng doanh nghiệp phải chịu nhiều hơn 1 lần thanh tra, kiểm tra với các nội dung trùng lặp;
- Làm rõ tiêu chí vật nuôi được sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh để phòng bệnh ở giai đoạn con non do quy định này mới chỉ đề cập đến một số loại vật nuôi cơ bản như lợn, gà, vịt, ngan, chim cút, thỏ, bê, nghé mà chưa quy định đối với các loại vật nuôi khác;

Bổ sung đánh giá hiệu quả việc thực hiện quy hoạch mật độ chăn nuôi trong những năm vừa qua và xem xét lại về tính cần thiết của việc quy định mật độ chăn nuôi tại Điều 12 và Phụ lục VI. Từ đó lý giải cho câu hỏi liệu đây có phải là sự can thiệp quá mức của Nhà nước vào thị trường hay không, có dấu hiệu trái với tinh thần của Luật Quy hoạch hay không?

Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

- Điều chỉnh lại khung xử phạt đối với các hành vi vi phạm liên quan đến thiết bị giám sát hành trình để đảm bảo tính thống nhất, tránh gây khó khăn trên thực tế áp dụng;

Đối với hành vi "*sử dụng thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá không truyền thông tin về hệ thống giám sát tàu cá theo quy định hoặc không có thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá trong quá trình hoạt động*" , Dự thảo quy định khác nhau về khung xử phạt

" *Điểm c khoản 1 Điều 20 xử phạt trong khung từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên hoặc từ 15 mét đến dưới 24 mét trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần; điểm c khoản 2 Điều 20 xử phạt trong khung từ 500.000.000 đến 700.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần*;

Điểm c khoản 6 Điều 35 xử phạt trong khung từ "*100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng*" đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét"

- Bỏ quy định "*buộc phá dỡ hoặc chuyển đổi mục đích*" đối với biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm "*không đăng ký lại tàu cá theo quy định*" do biện pháp này quá nặng;

- Sửa đổi quy định về xác định vi phạm quy định về quản cảng cá theo hướng cụ thể, rõ ràng hơn (chẳng hạn, xác định một khoảng thời gian cụ thể phải thực hiện hành vi thông báo, báo cáo) do khái niệm "kịp thời" trong Dự thảo chưa rõ ràng, mang tính chất định tính, có thể tạo ra sự tùy nghi trong áp dụng.

BỘ TÀI CHÍNH

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 04 Dự thảo do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

- Bổ sung quy định về cách thức xác định lượng khoáng sản nguyên khai với từng loại khoáng sản từ tổng lượng khoáng sản nguyên khai (có thể cân nhắc dựa trên tỷ lệ thành phần có ích của từng loại khoáng sản trên tổng trữ lượng thành phần có ích). Do với mỏ có nhiều khoáng sản, doanh nghiệp có thể thu được nhiều loại khoáng sản khác nhau với một lượng khoáng sản nguyên khai thực tế khai thác được. Khi đó, lượng khoáng sản nguyên khai này cần phải được chia ra thành lượng khoáng sản nguyên khai ứng với từng loại khoáng sản, để áp dụng mức phí tương ứng;
- Sửa đổi Điều 7.4 Dự thảo theo hướng quy định chung cho trường hợp mỏ có nhiều hơn một loại khoáng sản (thay cho quy định xác định lượng khoáng sản nguyên khai được thực hiện với khoáng sản chính, đi kèm) do phía doanh nghiệp phản ánh việc xác định hai loại khoáng sản này là không cần thiết do cách thức áp dụng không thay đổi, tương tự như trường hợp mỏ đa kim mà không phụ thuộc vào loại nào là chính, loại nào là phụ;

- Bổ sung căn cứ cụ thể trong trường hợp xác định số lượng khoáng sản nguyên khai với từng loại khoáng sản là Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được phê duyệt hoặc công nhận do theo phản ánh của doanh nghiệp, một số trường hợp sẽ có sự khác biệt về thông tin giữa Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và Quyết định phê duyệt cuối cùng của CQNN;

- Bổ sung quy định xử lý trong trường hợp số lượng đất đá bốc xúc thải ra có sự thay đổi lớn giữa các kỳ đóng phí do việc cải tạo, phục hồi môi trường thường phát sinh chủ yếu sau khi khai thác hết trữ lượng, do đó, giá trị số lượng bốc xúc thải ra sẽ có sự thay đổi lớn giữa các kỳ đóng phí (có thể âm hoặc dương);

- Bổ sung quy định về xác định mức phí trong trường hợp doanh nghiệp thu được thêm một loại khoáng sản đi kèm khác nhưng không nằm trong trữ lượng phê duyệt;

- Làm rõ một số nội dung liên quan đến đối chiếu số lượng đất đá bốc xúc thải ra về biện pháp nghiệp vụ được sử dụng, kết quả được xác định và trường hợp doanh nghiệp không đồng ý với kết quả này để đảm bảo tính minh bạch.
- Bổ sung quy định về áp dụng hồi tố với công thức tính phí bảo vệ môi trường trong trường hợp mỏ đa kim nhằm giải quyết các vướng mắc trong giai đoạn trước khi Dự thảo được ban hành do Nghị định số 164/2016/NĐ-CP không có quy định để giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

Nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Dự thảo hiện đang đề xuất phương án giảm 1.000 đồng/lít với xăng và 500 đồng/lít, kg với dầu, mỡ nhờn từ 1/4 tới hết năm 2022. Mặc dù đây là **phương án tích cực** nhưng theo phản ánh của các doanh nghiệp, hiệp hội thì việc giảm thuế bảo vệ môi trường **cần cân nhắc tiến hành mạnh mẽ hơn***

Cân nhắc trình thêm một phương án nữa ***có mức giảm mạnh hơn***, chẳng hạn áp dụng:

- Mức giảm 2.000 đồng/lít với xăng; 1.000 đồng/lít với dầu, mỡ nhờn.
- Thời hạn giảm có thể ngắn hơn, chẳng hạn 3-6 tháng nếu giá xăng dầu ổn định trở lại thay vì áp dụng một mức cố định trong cả 8 tháng, đến hết năm 2022.

"Giá bán lẻ xăng dầu đã đạt mức cao kỷ lục từ trước đến nay và dự báo tiếp tục tăng cao trong thời gian tới trong bối cảnh xung đột quân sự và trừng phạt kinh tế đang diễn ra căng thẳng tại Châu Âu và có xu hướng leo thang

Giải pháp trợ lực giảm thuế phí từ Nhà nước rất quan trọng trong bối cảnh sức khoẻ của doanh nghiệp và cả nền kinh trong giai đoạn này đang yếu ốm, cần hồi phục."

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2019/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp

"Trong mấy năm trở lại đây, đăng ký doanh nghiệp là một trong những thủ tục có mức độ cải cách, đột phá nhất trong các thủ tục hành chính, theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp khi gia nhập thị trường".

Theo điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP: "*căn cứ tính chất, đặc điểm của các khoản phí và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí lập dự toán thu, chi và tỷ lệ để lại tại Đề án thu phí, trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này*"

- Đề nghị giải trình làm rõ hơn căn cứ điều chỉnh tỷ lệ số tiền phí cung cấp thông tin doanh nghiệp được trích để lại và các tác động do việc điều chỉnh giảm nếu chưa phù hợp có thể ảnh hưởng đến chi phí hoạt động thường xuyên, hoạt động vận hành, đầu tư nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số

- Cần có giải trình cụ thể đối với sự điều chỉnh về việc "*doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số ký hợp đồng với thuê bao trước ngày 01/01/2017 sẽ phải đóng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số*" để đảm bảo tính minh bạch của chính sách;

- Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Dự thảo theo hướng sau để đảm bảo tính hợp lý và giảm chi phí cho doanh nghiệp:

- Đối với những chứng thư số do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp cho thuê bao phát sinh hoạt động trước ngày 15 hàng tháng sẽ được tính là 01 (một) tháng sử dụng;

- Đối với những chứng thư số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp cho thuê bao phát sinh hoạt động từ ngày 15 hàng tháng trở về sau, sẽ được tính phí bằng 50% mức phí quy định tại khoản 1 Điều 4.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch soạn thảo.

Nghị định mô hình ban quản lý khu du lịch quốc gia

- Xem xét mở rộng chính sách cho phép doanh nghiệp được tham gia quản lý các khu du lịch quốc gia đã có sẵn theo tinh thần của Luật Du lịch, Nghị định 168/2017/NĐ-CP. Điều này sẽ tạo ra một số lợi ích như thu hút nguồn lực xã hội, áp dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn sâu và hiện đại vào quản lý, bảo tồn, bảo vệ môi trường; vốn của doanh nghiệp sẽ được sử dụng hiệu quả hơn so với ngân sách nhà nước;

"Đây là phương án quản lý đang được triển khai trên thế giới như mô hình phối hợp quản lý giữa chính quyền địa phương và tổ chức của người bản địa ở Công viên quốc gia Uluru-Kata Tjuta của Úc; Công viên lịch sử quốc gia Fort Sumter và Fort Moultrie của Mỹ".

- Nghiên cứu thiết kế các quy định về cơ chế chuyển đổi, trình tự thủ tục dành cho việc chuyển đổi quyền quản lý khu du lịch quốc gia từ nhà nước sang doanh nghiệp làm cơ sở cho việc chuyển đổi mô hình quản lý phù hợp với khu du lịch quốc gia;

- Làm rõ chính sách đối với doanh nghiệp quản lý khu du lịch quốc gia để tăng cường tính minh bạch, hợp lý của Dự thảo bởi nếu quy định không rõ ràng hoặc điều kiện gia nhập thị trường không minh bạch thì sẽ không có điều kiện thu hút sự tham gia của doanh nghiệp vào lĩnh vực này, tạo ra sự lúng túng trong áp dụng các quy định, gây khó khăn cho hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 03 Dự thảo do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định về chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2022-2023

- Làm rõ quy định về "*khoản vay được hỗ trợ là khoản vay bằng đồng Việt Nam, được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 11/01/2022 đến ngày 31/12/2023*" (khoản 3 Điều 4) theo hướng chỉ hỗ trợ lãi suất đối với nghĩa vụ trả nợ lãi phát sinh trong khoảng thời gian được quy định để đảm bảo tính thống nhất với khoản 5 Điều 3 Dự thảo về việc "*hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với nghĩa vụ trả nợ lãi phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày Nghị định này có hiệu lực đến ngày 31/12/2023*";

- Quy định rõ và thống nhất trong tất cả các điều khoản có liên quan thời hạn hỗ trợ lãi suất là: đến ngày 31/12/2023 hoặc khi gói 40.000 tỷ đồng được giải ngân hết;

- Sửa đổi quy định về điều kiện của khách hàng vay vốn phải "*có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi*" thành "*có khả năng duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh*" để bảo đảm tính hợp lý, khả thi của quy định.

- Thiết kế lại quy định về điều kiện mà doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình phải đáp ứng để được hưởng hỗ trợ lãi suất từ NHTM như sau để đảm bảo tính rõ ràng, nêu bật được nội dung chính của quy định về điều kiện mà doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình phải đáp ứng để được hưởng hỗ trợ lãi suất từ NHTM, cụ thể:

- Khoản 1: khoản vay của khách hàng phải nằm trong mục đích được quy định tại điểm a và b, khoản 2 Điều 2;
- Khoản 2: khoản vay nằm trong thời gian áp dụng chương trình

- Tách các trường hợp khoản vay bị dừng hỗ trợ lãi suất sang một điều riêng để làm rõ hơn nội dung này, tạo điều kiện cho các đối tượng chịu sự tác động dễ theo dõi dễ áp dụng, tránh vi phạm dẫn tới bị dừng hỗ trợ;

- Cân nhắc ý kiến của doanh nghiệp về việc cho phép các NHTM được tạm cấp bù lãi suất và quyết toán số tiền đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để được thuận lợi hơn;

- Cần quy định ngay tại Nghị định này nguyên tắc và phương pháp phân bổ hạn mức số tiền hỗ trợ lãi suất còn lại đối với từng ngân hàng (khi tổng số tiền hỗ trợ lãi suất cho khách hàng đã đạt tới khoảng 35.000 tỷ đồng), không để quy định tại cấp thông tư;

- Rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất do quy định "*trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán cấp bù lãi suất của NHTM…, Bộ Tài chính rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất*" là chưa đủ rõ ràng rằng đây là thời hạn Bộ Tài chính sẽ trả lời NHTM về việc duyệt hay không duyệt quyết toán hay không.;

- Quy định thống nhất nội dung liên quan đến chứng từ nộp quyết toán về việc có sử dụng chứng từ khác được không, hay bắt buộc là Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất lập theo định kỳ 6 tháng/lần.

Thông tư hướng dẫn Nghị định về chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2023

- Xem xét chỉ ban hành 01 mẫu báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất chung để giảm thiểu mẫu cho NHTM, thống nhất số liệu, phân loại, cách quản lý.

- Bổ sung quy định cụ thể hình thức đề nghị mà khách hàng phải thực hiện khi có nhu cầu hưởng ưu đãi lãi suất hoặc bỏ quy định này để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong cách hiểu và áp dụng của các đối tượng do các Điều 4, 5, 6 của Dự thảo Thông tư đều hoàn toàn dẫn chiếu ngược trở lại Nghị định mà không có quy định chi tiết hơn về trình tự, thủ tục được hưởng ưu đãi (đối với khách hàng) và tạm cấp bù lãi suất và quyết toán cấp bù lãi suất (đối với NHTM).

Nghị quyết về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng

„Đây là chính sách có ý nghĩa quan trọng trong việc xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và đã phát huy hiệu quả thực tế sau 5 năm thí điểm“.

Dịch bệnh Covid 19 đang ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp và chất lượng tín dụng của các ngân hàng, nguy cơ nợ xấu tăng nhanh trong thời gian tới rất cao.

VCCI đồng thuận với phương án ban hành Nghị quyết kéo dài thời hạn của chính sách này, cho đến khi có Luật về xử lý nợ xấu.

ỦY BAN VĂN HÓA, GIÁO DỤC CỦA QUỐC HỘI

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Luật Điện ảnh (sửa đổi) (phiên bản 10/02/2022)

- Làm rõ quy định về các chính sách của Nhà nước về ưu đãi về thuế, tín dụng với hoạt động điện ảnh nhằm tạo căn cứ khi quy định chi tiết hay sửa đổi luật thuế, chẳng hạn quy định ưu đãi thuế kèm các điều kiện khó khăn, bất khả thi…;

- Sửa đổi quy định về các hành vi bị cấm theo hướng tách bạch thành hai loại bao gồm hành vi cấm tuyệt đối và hành vi cấm tương đối dựa theo kinh nghiệm ở các lĩnh vực khác nhau. Đồng thời, bổ sung quy định về phương án xử lý với từng loại nội dung vi phạm;

- Rà soát, cải cách mạnh mẽ quy định liên quan đến cấp phép và kiểm duyệt kịch bản phim của đoàn làm phim nước ngoài để tránh tạo ra rào cản đối với nhà làm phim nước ngoài muốn thực hiện cảnh quay tại Việt Nam hay làm cản trở việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam qua điện ảnh;

- Bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp phải dừng cung cấp dịch vụ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền do cung cấp nội dung vi phạm bởi thực tế, nội dung vi phạm đã bị gỡ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước (theo Điều 21.1.d) do quy định này có thể dẫn đến cách hiểu doanh nghiệp phải dừng toàn bộ dịch vụ (VD: dịch vụ truyền hình OTT, hoặc dịch vụ xem video);

- Điều chỉnh lại thời hạn xử lý phim vi phạm cho phù hợp do thời hạn trong Dự thảo hiện thời gian này quá ngắn để doanh nghiệp có thể tiếp nhận thông tin và xử lý khi yêu cầu doanh nghiệp gỡ phim vi phạm ngay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước.

"Theo kinh nghiệm từ các lĩnh vực khác khi quản lý trên không gian mạng, cơ quan quản lý thường cho phép doanh nghiệp một khoảng thời gian hợp lý để xử lý nội dung vi phạm, chẳng hạn Luật An ninh mạng cho phép 24h (Điều 26.1.b), Nghị định 27/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP cho phép 03h (Điều 1.11)"

- Làm rõ nội dung về việc yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hạ tầng trên không gian mạng ngăn chặn, gỡ bỏ phim vi phạm. Theo Dự thảo, không rõ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hạ tầng trên không gian mạng là doanh nghiệp nào (doanh nghiệp viễn thông hay các doanh nghiệp nào khác)? Hơn nữa, các doanh nghiệp hạ tầng chỉ có thể ngăn chặn việc truy cập với dịch vụ, ứng dụng vi phạm chứ không có khả năng ngăn chặn, gỡ bỏ cụ thể phim vi phạm;

- Không áp dụng quy định Giấy phép phân loại phim với phim xuất khẩu do không cần thiết, chưa chưa phù hợp, có thể làm cản trở việc xuất khẩu phim Việt Nam theo con đường chính thống do những phức tạp về mặt thủ tục;

- Không áp dụng quy định Giấy phép phân loại phim với phim tham dự liên hoan phim do chưa phù hợp, sẽ ngăn cản quyền tự do sáng tạo nghệ thuật của tác giả và ảnh hưởng đến yếu tố nghệ thuật của tác phẩm;

- Cân nhắc chuyên nghiệp hóa việc cấp phép phân loại phim theo hướng chuyển từ cơ chế độc quyền nhà nước sang cơ chế cho phép nhiều đơn vị được tham gia công tác cấp phép, Nhà nước đóng vai trò kiểm tra, giám sát do việc độc quyền cấp phép là không phù hợp để thúc đẩy phát triển dưới góc độ ngành điện ảnh là một ngành kinh tế;

- Đổi mới cơ chế phân loại phim, cụ thể: Giao trách nhiệm cấp Giấy phép phân loại phim cho các cơ quan báo chí đã có giấy phép phát thanh – truyền hình; Nhà nước chỉ thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát. Cơ chế này sẽ giảm thiểu gánh nặng về thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp thông qua việc cung cấp dịch vụ cạnh tranh (nhanh chóng, đơn giản về mặt thủ tục…), giải quyết vấn đề về thời gian thẩm định phim kéo dài qua các cơ quan nhà nước do các cơ quan còn nhiều công việc khác phải giải quyết.

- Bổ sung quy định hướng dẫn việc định giá phim làm tài sản đảm bảo góp phần khơi thông nguồn vốn để phát triển ngành công nghiệp điện ảnh.

VĂN BẢN ĐỊA PHƯƠNG

Trong Quý I, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

VCCI bước đầu cung cấp một số thông tin cơ bản từ khảo sát chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) công bố mới nhất (PCI 2020) để Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu tham khảo, xem xét đưa vào Dự thảo những nội dung thích hợp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh địa phương, cải thiện chỉ số PCI của tỉnh, đảm bảo phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

Các nội dung VCCI cung cấp bao gồm:

- Kết quả PCI 2020 của Lai Châu
- Bảng những chỉ số thành phần PCI năm 2020 tăng so với năm 2019
- Bảng những chỉ số thành phần PCI năm 2020 giảm so với năm 2019
- Bảng những lĩnh vực thủ tục hành chính còn nhiều phiền hà (%)
- Kiến nghị của Doanh nghiệp

Năm 2020, 2021 vừa qua là một thời kỳ đặc biệt khi cộng đồng doanh nghiệp, hệ thống chính quyền phải căng sức để đối phó với đại dịch COVID-19 và thiên tai xảy ra liên tiếp. Đa số các doanh nghiệp của Lai Châu đang gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động.

Chính quyền các ngành, các cấp của Tỉnh chủ động, sáng tạo trong nỗ lực tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách sẽ là những giải pháp quan trọng giúp cộng đồng doanh nghiệp vượt qua khó khăn, từ đó có thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của Tỉnh trong thời gian tới.

VĂN BẢN KHÁC

Bên cạnh việc tiến hành góp ý đối với các Dự thảo do các Bộ chủ trì soạn thảo, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 03 văn bản khác gồm văn bản báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá và phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an và văn bản về rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp của Bộ Tài chính và Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành án dân sự đối với các bản án kinh doanh, thương mại của Bộ Tư pháp , cụ thể như sau:

Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá và phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an

- Điều chỉnh về thủ tục trình báo mất thẻ ABTC trong trường hợp: chỉ trình báo mà không muốn cấp lại thì thực hiện ở cấp tỉnh; trình báo đồng thời muốn cấp lại, thực hiện ở cấp bộ trong trường hợp vẫn giữ không phân cấp thủ tục cấp thẻ ABTC cho cơ quan cấp tỉnh nhằm tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính;

- Phân cấp cho địa phương thực hiện thủ tục thủ tục liên quan đến cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy, chữa cháy hoặc có kế hoạch phân cấp với điều kiện đảm bảo thực hiện giúp tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cá nhân muốn thực hiện thủ tục.

Rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

"Các doanh nghiệp rất hoan nghênh Nghị quyết số 43/2022/NQ15 đã được Quốc hội thông qua với những giải pháp hỗ trợ về tài khoá và tiền tệ, trong đó bao gồm việc giảm thuế GTGT trong năm 2022 cho phần lớn các hàng hóa và dịch vụ. "

- Xem xét bình ổn thuế suất thuế GTGT để các doanh nghiệp có thể phục hồi và phát triển bền vững;

- Đề nghị nghiên cứu, hạn chế tối đa phạm vi những mặt hàng thuộc diện không chịu thuế GTGT, chuyển các mặt hàng đó sang diện có chịu thuế GTGT (với mức thuế suất tuỳ vào mục tiêu chính sách, có thể là 0% hoặc 5%) để đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp trong việc được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào;

- Nghiên cứu, cân nhắc việc đưa các sản phẩm thuốc lá mới (như thuốc lá làm nóng) vào danh mục mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt do sản phẩm này đã và đang được lưu thông phổ biến trên thị trường nhưng chưa được liệt kê trong danh mục mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hiện nay;

"Các sản phẩm thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thường là các sản phẩm có tác động xấu đến người tiêu dùng nói riêng và xã hội nói chung, không khuyến khích hoặc hạn chế phát triển"

- Đề nghị các đề xuất bổ sung các mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cần đặc biệt thận trọng, đi kèm những đánh giá định lượng cụ thể nhằm cung cấp đủ thông tin, dữ liệu cho quá trình ra quyết định.

"*Việc bổ sung một số mặt hàng tiêu dùng vào danh mục chịu thuế mới sẽ ảnh hưởng đến sức mua và tiêu dùng trong nước, đẩy giá một số mặt hàng và dịch vụ lên cao, từ đó có khả năng tác động tiêu cực đến sản xuất, doanh thu của doanh nghiệp và cơ hội việc làm của người lao động.*"

Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành án dân sự đối với các bản án kinh doanh, thương mại

"*Hoạt động thi hành án trong thời gian qua chứng kiến tình trạng quá tải về khối lượng công việc. Trung bình trong giai đoạn 2018 – 2020, mỗi chấp hành viên thụ lý mỗi năm là 223 việc. Như vậy, trung bình chỉ hơn một ngày rưỡi (1,5 ngày), một chấp hành viên lại phải hoàn thành xong một vụ việc thi hành án.*"

- Bổ sung nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát quy định pháp luật và vướng mắc thực tiễn trong việc xã hội hoá hoạt động thi hành án dân sự. Từ đó làm tăng hiệu quả của hoạt động này, giảm tải gánh nặng cho Nhà nước, đồng thời cung cấp cho doanh nghiệp có nhu cầu một lựa chọn khác;

- Bổ sung nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá độc lập về chất lượng, hiệu quả thi hành án kinh doanh, thương mại, chẳng hạn thông qua các cuộc khảo sát từ cộng đồng doanh nghiệp bởi điều này sẽ giúp cho các cơ quan nhà nước nhận diện được các vấn đề đang tồn tại, mức độ phức tạp và nghiêm trọng của vấn đề, khả năng cải thiện vấn đề…

DANH SÁCH DỰ THẢO VCCI ĐÃ GÓP Ý

STT	TÊN VĂN BẢN	CƠ QUAN SOẠN THẢO
	DỰ THẢO LUẬT	
1	Luật Điện ảnh (sửa đổi)	Uỷ ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội
	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	
2	Nghị định quy định điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	Bộ Công an
3	Nghị định về phát triển và quản lý chợ	Bộ Công Thương
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Nghị định thay thế Nghị định 42/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Nghị định quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Bộ Tài chính
7	Nghị định quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Nghị định về chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2022-2023 và Thông tư hướng dẫn thi hành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	
9	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2022	Văn phòng Chính phủ
	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	
10	Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 và những năm tiếp theo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
11	Nghị quyết về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
12	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	Bộ Tài chính

13	Thông tư thay thế Thông tư số 17/2018/TT-BTC và Thông tư số 305/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số	Bộ Tài chính
VĂN BẢN ĐỊA PHƯƠNG		
14	Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu
VĂN BẢN KHÁC		
15	Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá và phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an	Bộ Công an
16	Báo cáo rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	Bộ Tài chính
17	Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành án dân sự đối với các bản án kinh doanh, thương mại	Bộ Tư pháp

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TIẾP THU CỦA BAN SOẠN THẢO

Từ tháng 1 đến tháng 3/2022, có 10 văn bản trong nhiều lĩnh vực đã được ban hành mà VCCI có ý kiến góp ý, cụ thể:

06 NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ:

1. Nghị định 02/2022/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản
2. Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn
3. Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
4. Nghị định 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ
5. Nghị định 13/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP, 74/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định 86/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đo lường
6. Nghị định 14/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 119/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản

04 THÔNG TƯ CỦA CÁC BỘ:

1. Thông tư 01/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư 47/2014/TT-BCT về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư 59/2015/TT-BCT về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động
2. Thông tư 03/2022/TT-BCT quy định về việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất mặt hàng khẩu trang y tế, găng tay y tế và bộ trang phục phòng, chống dịch
3. Thông tư 02/2022/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện
4. Thông tư 19/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số

Hình 1. Tỷ lệ tiếp thu các ý kiến góp ý của VCCI

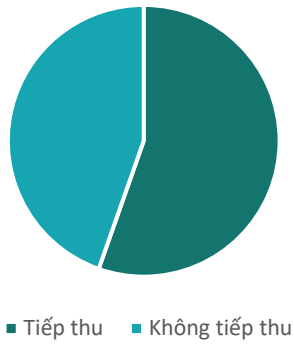

VCCI có **65 đề xuất** chủ yếu liên quan đến tính hợp lý và minh bạch của văn bản. Qua rà soát, đối chiếu giữa văn bản góp ý với các văn bản pháp luật đã được ban hành thì tỷ lệ tiếp thủ các ý kiến của VCCI tương đối cao, trong đó **36/65 ý kiến được tiếp thu**, chiếm **55,38%** trong tổng số đề xuất.

Căn cứ theo loại văn bản thì tỷ lệ tiếp thu các góp ý trong các dự thảo văn bản pháp luật cấp thông tư thấp hơn cấp nghị định

Hình 2. Tỷ lệ tiếp thu theo loại văn bản

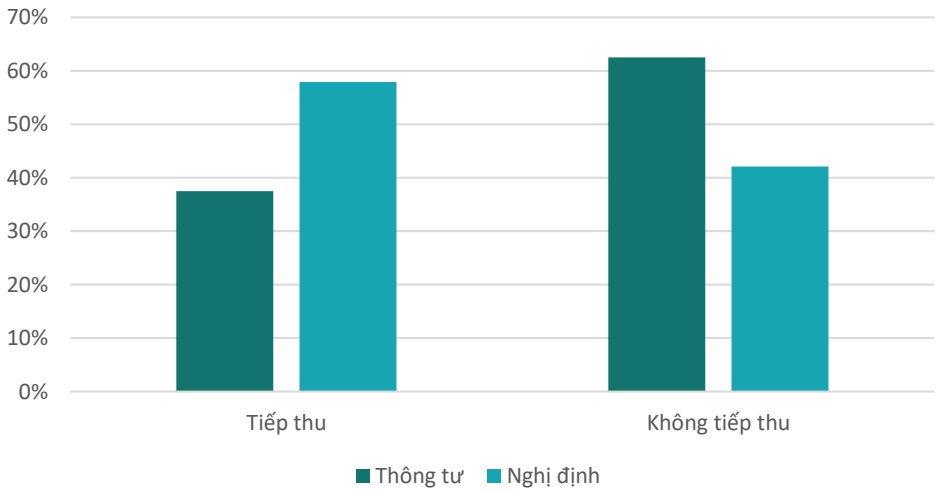

Hình 3. Số lượng góp ý theo từng tiêu chí

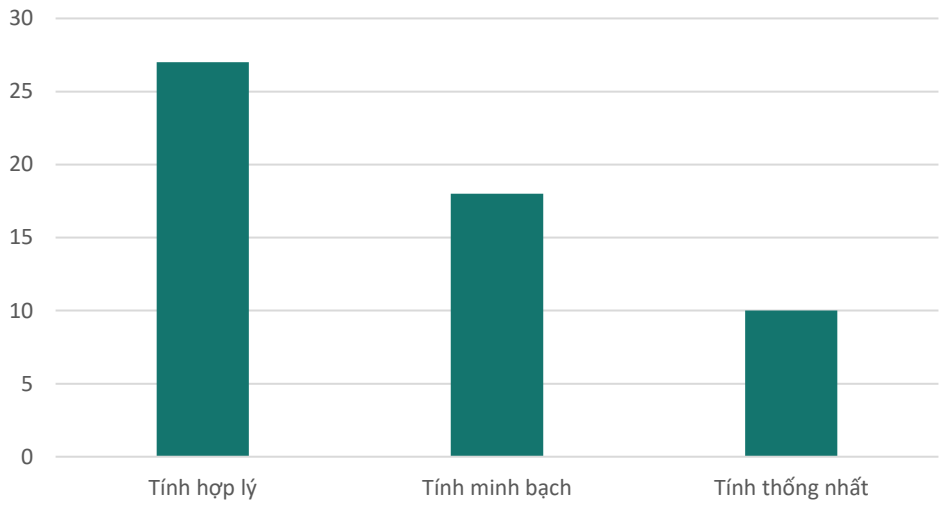

Các đề xuất của VCCI tập trung chủ yếu về **tính minh bạch, tính hợp lý và tính thống nhất** trong đó đề xuất về tính hợp lý chiếm đa số.

Điều này cho thấy, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh được soạn thảo trong thời gian quan, dưới góc nhìn của doanh nghiệp vẫn còn một số quy định chưa đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi.

Biểu đồ cho thấy, ý kiến về **tính hợp lý** chiếm phần lớn tổng số đề xuất của VCCI (27/65 ý kiến góp ý). Đối với các đề xuất về tính hợp lý, chủ yếu là các kiến nghị loại bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý hay là thay đổi các biện pháp quản lý đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp quá mức cần thiết tạo ra các thủ tục hành chính phức tạp và tạo gánh nặng về chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Việc các ý kiến tiếp thu nhiều hơn các ý kiến không tiếp thu là một điều đáng ghi nhận, đồng nghĩa với việc rất nhiều các quy định chưa phù hợp cản trở quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp đã được xóa bỏ xuất phát từ kiến nghị của VCCI.

Hình 4. Tỷ lệ tiếp thu theo tiêu chí

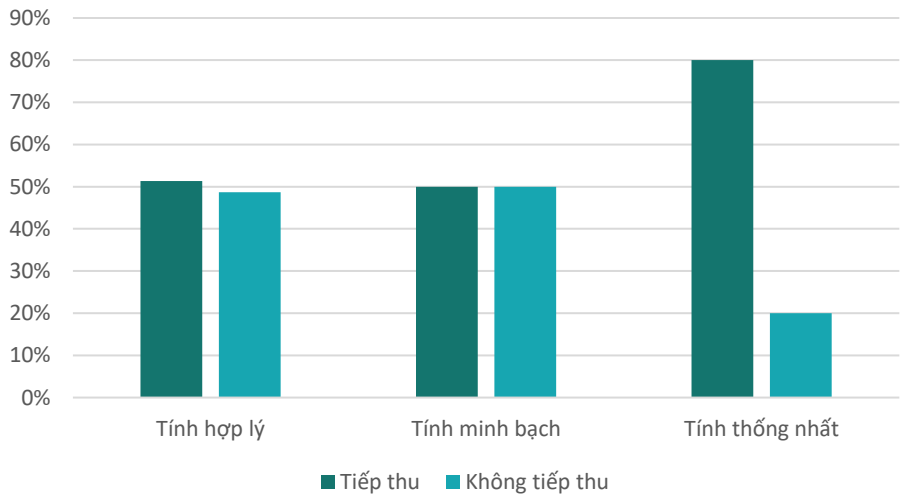

Bên cạnh đó, **tính minh bạch** là một trong những tiêu chí hàng đầu được VCCI xem xét mỗi khi góp ý văn bản pháp luật. Tính chất này thể hiện cụ thể qua sự rõ ràng trong quy định, minh bạch trong các thủ tục hành chính. Trong các văn bản được đánh giá, có 50% (9/18) kiến nghị của VCCI về tính minh bạch được tiếp thu, điều này cho thấy Ban soạn thảo đang ngày càng quan tâm đến yêu tố này nhiều hơn.

Số kiến nghị về **tính thống nhất** có tỷ lệ tiếp thu cao hơn hẳn so với hai tiêu chí còn lại (8/10 ý kiến được tiếp thu, tương đương 80%). Điều này cũng cho thấy, các cơ quan soạn thảo đã quan tâm nhiều hơn tới việc rà soát để đảm bảo tính thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản cùng điều chỉnh.

Nhìn chung, ty lệ tiếp thu trên đã thể hiện sự quan tâm, nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp cũng như cơ quan chủ trì soạn thảo trong hoạt động xây dựng chính sách.

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3574 0632

Fax: (84-24) 3577 1459, 3577 0632

Email: xdphapluat@vcci.com.vn, xdphapluat.vcci@gmail.com

Website: www.vibonline.com.vn